CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ PTDN IDJ

Địa chỉ: Tầng 9 -23 Phan Chu Trinh -Hoàn Kiếm HN

Báo cáo tài chính Công ty IDJ Financial cho Quý II/2010 kết thúc ngày 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**141,137,728,023**	**103,479,351,903**
I-	**Tiền**	**110**	**5.1**	**124,526,597,480**	**83,055,454,203**
1.	Tiền	111		9,426,597,480	9,555,454,203
2.	Các khoản tương đương tiền	112		115,100,000,000	73,500,000,000
II-	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**2,700,552**	**10,398,195,552**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	3,207,587	22,323,236,517
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(507,035)	(11,925,040,965)
III-	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**8,113,148,285**	**9,959,593,990**
1.	Phải thu khách hàng	131		1,848,271,494	520,542,618
2.	Trả trước cho người bán	132		3,201,417,897	6,382,966,272
5	Các khoản phải thu khác	135	5.3	3,063,458,894	3,056,085,100
IV-	**Hàng tồn kho**	**140**		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
V-	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**8,495,281,706**	**66,108,158**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35,526,854	66,108,158
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.4	8,459,754,852	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)**	**200**		**427,087,699,965**	**424,657,660,049**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**2,006,430,000**	**5,506,430,000**
4.	Phải thu dài hạn khác	218	5.5	2,006,430,000	5,506,430,000
II	**Tài sản cố định**	**220**		**3,699,315,677**	**4,146,344,607**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3,699,315,677	4,146,344,607
-	*Nguyên giá*	*222*		*6,073,648,224*	*6,102,899,947*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(2,374,332,547)*	*(1,956,555,340)*
-	*Nguyên giá*	*228*		*12,000,000*	*12,000,000*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(12,000,000)*	*(12,000,000)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**330,209,338,245**	**319,191,142,943**
1.	Nguyên giá	241	5.7	330,209,338,245	319,191,142,943
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	242		.	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.8**	**85,013,507,046**	**94,929,416,000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	15,950,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		79,092,353,850	75,979,416,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		5,921,153,196	3,000,000,000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**6,159,108,997**	**884,326,499**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	6,159,108,997	884,326,499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		**270**		**568,225,427,988**	**528,137,011,952**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ PTDN IDJ
Địa chỉ: Tầng 9 -23 Phan Chu Trinh -Hoàn Kiếm HN
Báo cáo tài chính Công ty IDJ Financial cho Quý II/2010 kết thúc ngày 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**206,939,550,446**	**279,696,132,302**
I-	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**206,939,550,446**	**279,696,132,302**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		118,486,603,428	195,309,490,250
3.	Người mua trả tiền trước	313		38,074,496,035	17,131,328,389
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	23,300,806,656	27,784,431,437
5.	Phải trả người lao động	315		-	703,900,001
6.	Chi phí phải trả	316	5.11	21,439,918,973	32,609,611,500
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	15,600,000	4,542,963,070
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5,622,125,354	1,614,407,655
II-	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
B-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**361,285,877,542**	**248,440,879,650**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**361,285,877,542**	**248,440,879,650**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	326,000,000,000	149,600,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1,523,000,000	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33,762,877,542	98,840,879,650
C-	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**440**		**568,225,427,988**	**528,137,011,952**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4 Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại

Lập ngày 10 tháng 7 Năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Mạc Hoàng Anh	Đỗ Phương Nguyên	Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ II, NĂM 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ II/2010	
				Năm 2010	Năm 2009
1.	Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	5.14	73,596,275,700	282,210,353
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,864,538,751	
3.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		71,731,736,949	282,210,353
4.	Giá Vốn hàng bán	11	5.15	49,811,532,500	
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**21,920,204,449**	**282,210,353**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	1,353,884,693	3,278,235,302
7.	Chi phí tài chính	22	5.17	3,321,133,922	987,474,051
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	
8.	Chi phí bán hàng	24		20,589,800	1,279,313,434
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,229,865,634	8,917,785,837
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**15,702,499,786**	**(7,624,127,667)**
11.	Thu nhập khác	31		47,600	750,000
12.	Chi phí khác	32		75,097	
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**(27,497)**	**750,000**
14.	**Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	**45**		**-**	**-**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**15,702,472,289**	**(7,623,377,667)**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	3,908,668,000	
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**11,793,804,289**	**(7,623,377,667)**
19	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	5.19	**362**	**(510)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

QUÝ II, NĂM 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
				Năm 2010	Năm 2009
1.	Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	5.14	108,028,074,477	535,056,807
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,864,538,751	
3.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		106,163,535,726	535,056,807
4.	Giá Vốn hàng bán	11	5.15	78,461,532,500	
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**27,702,003,226**	**535,056,807**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	2,598,331,539	3,835,993,485
7.	Chi phí tài chính	22	5.17	2,967,025,402	1,182,724,051
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	
8.	Chi phí bán hàng	24		161,146,183	2,171,889,640
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,573,040,695	12,108,413,180
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**19,599,122,485**	**(11,091,976,579)**
11.	Thu nhập khác	31		8,820,327	750,000
12.	Chi phí khác	32		2,202,387	500,000
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**6,617,940**	**250,000**
14.	**Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	**45**		**-**	**-**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**19,605,740,425**	**(11,091,726,579)**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	4,883,742,534	
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**14,721,997,891**	**(11,091,726,579)**
19	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	5.19	**452**	**(741)**

Lập ngày 10 tháng 7 Năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Mạc Hoàng Anh	**Đỗ Phương Nguyên**	**Trần Trọng Hiếu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ PTDN IDJ

Địa chỉ: Tầng 9 -23 Phan Chu Trinh -Hoàn Kiếm HN

Báo cáo tài chính Công ty IDJ Financial cho Quý II/2010 kết thúc ngày 30/06/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho Quý II/2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 03 -

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	QUÝ II/2010	
				Năm 2010	Năm 2009
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác***	**01**		**99,808,538,495**	**291,498,031,913**
2.	***Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch***			**(9,758,325,856)**	**(23,738,860,133)**
3	Tiền chi trả cho người lao động	02		(3,935,846,903)	(6,119,913,446)
4	Tiền chi trả lãi vay	03		-	-
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4,000,000,000)	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15,540,473,545	14,904,339,376
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(11,042,408,052)	(40,441,334,141)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**08**		**86,612,431,229**	**236,102,263,569**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(130,130,000,000)	(222,099,625,257)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10,308,736,930
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(172,000,000,000)	(302,470,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		172,000,000,000	327,470,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1,351,050,593	(90,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	2,399,716,165
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(128,778,949,407)**	**(184,481,172,162)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		103,637,901,000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(515,000,000)	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1,000,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1,000,000,000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**103,122,901,000**	**-**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**60,956,382,822**	**51,621,091,407**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**63,570,214,658**	**48,806,227,489**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**124,526,597,480**	**100,427,318,896**

Lập ngày 10 tháng 7 Năm 2010

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Mạc Hoàng Anh	**Đỗ Phương Nguyên**	**Trần Trọng Hiếu**

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ (IDJ Financial) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103016173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2010

Vốn điều lệ của Công ty là 326.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 9, toà nhà Sun red River, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm định giá những tài sản thuộc thẩm quyền Nhà nước);
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong ngoài nước;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Tư vấn mua bán doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện);
- Xây dựng nhà máy thuỷ điện, nhà máy xi măng, văn phòng;
- Khai thác và bán buôn vật liệu xây dựng;
- Buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ nghành xây dựng, giao thông, thuỷ điện;
- Kinh doanh điện;
- Kinh doanh và khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet (trừ các thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Thương mại điện tử.

Trong năm 2010, các hoạt động chính của Công ty là đầu tư vào các dự án, kinh doanh bất động sản, đầu tư cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính Cho Quý II/2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.

Không có chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi có kỳ hạn ở các ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	04

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc, quyền thuê văn phòng, nhà xưởng do công ty nắm giữ, hoặc thuê 50 năm ++ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Tiền mặt	161,519,761	319,137,770
Tiền gửi ngân hàng	9,393,934,442	9,107,459,710
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	73,500,000,000	115,100,000,000
	.	
Tổng	**83,055,454,203**	**124,526,597,480**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	22,323,236,517	3,207,587
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(11,925,040,965)	(507,035)
Tổng	**10,398,195,552**	**2,700,552**

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Tạm ứng	2,550,000,000	206,200,000
Cầm cố, ký quĩ, ký cược ngắn hạn	506,085,100	589,258,894
Cho vay khác	-	2,268,000,000
Chi phí phân bổ CCDC	66,108,158	
Tổng	**3,056,085,100**	**3,063,458,894**

5.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	-	8,492,492,362
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Thuế tài nguyên nộp thừa	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Tổng	**-**	**8,492,492,362**

5.5 Phải thu dài hạn khác

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,006,430,000	2,006,430,000
Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
Cho vay không có lãi	3,500,000,000	-
Phải thu dài hạn khác		-
Tổng	**5,506,430,000**	**2,006,430,000**

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2010	**4,267,230,000**	**1,148,538,373**	**687,131,574**	**6,102,899,947**
Tăng trong năm	**-**	**-**	**9,200,000**	**9,200,000**
Mua trong năm		-	9,200,000	9,200,000
Giảm trong năm	**-**	**-**	**38,451,723**	**38,451,723**
Thanh lý, nhượng bán			38,451,723	38,451,723
Số dư tại 30/06/2010	**4,267,230,000**	**1,148,538,373**	**657,879,851**	**6,073,648,224**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2010	**1,137,928,000**	**332,997,081**	**485,630,259**	**1,956,555,340**
Tăng trong năm	**213,361,500**	**143,567,298**	**85,172,842**	**442,101,640**
Khấu hao trong năm	213,361,500	143,567,298	85,172,842	442,101,640
Giảm trong năm	**-**	**-**	**24,324,434**	**24,324,434**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	24,324,434	24,324,434

Số dư tại 30/06/2010	**1,351,289,500**	**476,564,379**	**546,478,667**	**2,374,332,546**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2010	**3,129,302,000**	**815,541,292**	**201,501,315**	**4,146,344,607**
Tại 30/06/2010	**2,915,940,500**	**671,973,994**	**111,401,184**	**3,699,315,678**

5.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà văn phòng và trung tâm thương mại Grand Plaza dùng để cho thuê

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	**15,950,000,000**	**-**
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hà Thành	*15,950,000,000*	-
Đầu tư vào công ty con,liên kết	**75,979,416,000**	**79,092,353,850**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ – AEC	*73,594,416,000*	*75,357,353,850*
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	*2,385,000,000*	*2,385,000,000*
Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ Giáo Dục IDJ	-	*1,350,000,000*
Đầu tư dài hạn khác	**3,000,000,000**	**5,921,153,196**
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Phát	*3,000,000,000*	*3,000,000,000*
NH TMCP Nhà HN		*2,921,153,196*
	94,929,416,000	**85,013,507,046**

(Đến 30/06/2010 Công ty con Hà thành đã giải thể)

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Chi phí thiết kế TTTM	699,722,536	572,427,134
Chi phí hoàn thiện nội thất ,quảng cáo TTTM	184,603,963	5,586,681,863
	884,326,499	**6,159,108,997**

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND

Thuế giá trị gia tăng	5,203,483,924	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,362,968,839	23,246,711,373
Thuế thu nhập cá nhân	217,978,674	54,095,283
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng	**27,784,431,437**	**23,300,806,656**

5.11 Chi phí phải trả

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Trích trước chi phí tiền lương	-	-
Trích trước chi phí làm nội thất Trung tâm Thương mại	32,559,611,500	21,139,918,973
Trích trước thuê xe ô tô	-	300,000,000
Chi phí kiểm toán	50,000,000	-
Tổng	**32,609,611,500**	**21,439,918,973**

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,542,963,070	15,600,000
Tổng	**4,542,963,070**	**15,600,000**

5.13 Vốn Đầu Tư Của Chủ Sở Hữu

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		

Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	149,600,000,000	149,600,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	176,400,000,000
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	149,600,000,000	326,000,000,000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	
Cổ phần	**Cổ phiếu**	**Cổ phiếu**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**14,960,000**	**32,600,000**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**14,960,000**	**32,600,000**
Cổ phiếu phổ thông	13,960,000	32,600,000
Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết	1,000,000	-

5.14 Doanh Thu Bán Hàng và Cung Cấp Dịch Vụ

	Quý I/2010 VND	Quý II/2010 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê trung tâm thương mại và Văn phòng	34,431,798,777	73,596,275,700
Các khoản giảm trừ		1,864,538,751
Cộng	**34,431,798,777**	**71,731,736,949**

5.15 Gía Vốn Hàng Bán

	Quý I/2010 VND	Quý II/2010 VND
Giá vốn hoạt động cho thuê trung tâm thương mại và văn phòng	28,650,000,000	49,811,532,500
Cộng	**28,650,000,000**	**49,811,532,500**

5.16 Doanh Thu Hoạt Động Tài Chính

	Quý I/2010 VND	Quý II/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,019,156,846	1,283,250,593
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,970,000	67,800,000
Lãi bán chứng khoán	222,320,000	2,834,100
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
Lãi bán hàng trả chậm		-
Doanh thu kinh doanh chứng khoán		-
Cộng	**1,244,446,846**	**1,353,884,693**

5.17	**Chi Phí Tài Chính**	**Quý I/2010 VND**	**Quý II/2010 VND**
	Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
	Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	8,534,986,880	6,315,642,042
	Lỗ bán ngoại tệ		-
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
	Hoàn nhập Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(8,924,533,930)	(3,000,000,000)
	Chi phí hoạt động tài chính khác	35,438,530	5,491,880
	Cộng	**(354,108,520)**	**3,321,133,922**

5.18	**Chi Phí Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Hiện Hành**	**Quý I/2010 VND**	**Quý II/2010 VND**
	Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	3,903,268,136	15,702,472,289
	Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2,970,000	67,800,000
	Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2,970,000	67,800,000
	Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	
	Thu nhập chịu thuế	**3,900,298,136**	**15,634,672,289**
	Thuế suất hiện hành	25%	25%
	Tỷ lệ ưu đãi	0%	0%
	Tỷ lệ ưu đãi quý 4		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	**975,074,534**	**3,908,668,000**
	Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	975,074,534	3,908,668,000
	Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	Cộng	**975,074,534**	**3,908,668,000**

5.19	**Lãi trên cổ phiếu**	**Quý I/2010 VND**	**Quý II/2010 VND**
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,928,193,602	11,793,804,289
	Các khoản điều chỉnh		-
	Các khoản điều chỉnh tăng		-
	Các khoản điều chỉnh giảm		-
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2,928,193,602	11,793,804,289

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14,960,000	32,600,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**196**	**362**

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I/2010 VND	Quý II/2010 VND
Chi phí nhân công	1,672,228,264	1,609,326,925
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244,590,785	575,591,563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234,851,312	219,250,328
Thuế, phí, lệ phí	11,640,609	47,389,807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718,842,945	1,635,323,912
Chi phí khác bằng tiền	461,021,146	142,983,099
Cộng	**3,343,175,061**	**4,229,865,634**

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý I/2010 VND	Quý II/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244,590,785	575,591,563
Chi phí nhân công	1,672,228,264	1,609,326,925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234,851,312	219,250,328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	730,483,554	1,635,323,912
Chi phí khác bằng tiền	601,577,529	210,962,706
Cộng	**3,483,731,444**	**4,250,455,434**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ là số liệu được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán, một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**
Đỗ Phương Nguyên	**Trần Trọng Hiếu**